

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Mạnh Cường**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Đức Bằng** và bà **Phạm Thị Lan**.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2023/TB-TA ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Bích Th**, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Ngọc H**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 86/T, ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Chị **Vũ Thị Anh T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 86/T, ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th, anh H và chị T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2023, biên bản lấy lời khai đề ngày 08/6/2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vũ Thị Bích Th trình bày:

Chị Th và anh Phạm Ngọc H quen nhau, tìm hiểu khoảng hơn 01 năm thì tiến tới kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Được Ủy ban nhân

dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2008. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Th.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà chồng ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh H ham chơi không quan tâm đến vợ con, mọi chuyện trong gia đình đều do chị Th gánh vác. Sau nhiều lần xảy ra mâu thuẫn khoảng cuối tháng 4 năm 2023 chị Th và anh H sống ly thân, chị Th về nhà mẹ đẻ ở, còn anh H vẫn sống ở nhà của hai vợ chồng, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo và hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Ngọc H.

- *Về con chung*: Theo chị Th trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn V, sinh ngày 31/7/2010 và cháu Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2017. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị Th tại xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu T. Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Th đang buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng là khoảng 15.000.000đ và có chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra mẹ tôi cũng phụ tôi nuôi con và đưa đón cháu đi học.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Th không còn yêu cầu gì khác, ngày 04/8/2023 chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2023, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Phạm Ngọc H trình bày:

Anh Phạm Ngọc H thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Vũ Thị Bích Th như chị Th trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của anh H.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến cuối tháng 4 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, tuy nhiên không đến mức nghiêm trọng. Mới gần đây giữa anh H và chị Th xảy ra mâu thuẫn, do nóng tính nên anh H có đánh chị Th nhưng không để lại thương tích gì. Từ ngày đó đến nay anh H và chị Th sống ly thân, chị Th về nhà bố mẹ đẻ tại xã G để sinh sống từ đó đến nay. Sau sự việc trên anh H đã nhận ra lỗi lầm của mình và đã nhiều lần, tìm mọi cách để tìm đến hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Th tuy nhiên chị Th không đồng ý. Ngoài ra anh H cũng đã qua xin lỗi gia đình nhà vợ và nhờ nhà vợ hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng tuy nhiên đến nay chưa có kết quả. Nay chị Th nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H không đồng ý.

- *Về con chung*: Anh H thừa nhận, vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn V, sinh ngày 31/7/2010 và cháu Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị Th tại xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Trường hợp chị Th nhất quyết ly hôn thì anh H đồng ý giao cháu V và cháu T cho chị Th nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+/ Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th và anh H ly hôn. Giao các con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn V, sinh ngày 31/7/2010 và cháu Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023 cho nguyên đơn chị Vũ Thị Bích Th và bị đơn anh Phạm Ngọc H. Ngày 04/8/2023 chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Ngọc H vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị Bích Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc H và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Ngọc H hiện đang cư trú tại số 86/T, ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Vũ Thị Bích Th là nguyên đơn, anh Phạm Ngọc H là bị đơn.

Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Vũ Thị Anh Th là người làm chứng.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 77, 147, 131, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Vũ Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2008 (BL 06) theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, anh H và chị Th cùng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 21, 23) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 28). Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai đề ngày 21/6/2023 của Tòa án đối với chị Vũ Thị Anh Th, xác định chị Th và anh H thường xuyên cãi vã, anh H là người chồng không quan tâm và có trách nhiệm trong gia đình, mỗi lần hai vợ chồng cãi nhau là anh H đập phá đồ đạc và đánh chị Th (BL 26).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Th tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Th là không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[7] Về con chung: Anh H và chị Th có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn V, sinh ngày 31/7/2010 và cháu Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2017. Xét yêu cầu của chị Th được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, bởi lẽ, trong trường hợp vợ chồng ly hôn, thì anh H đồng ý để chị Th được nuôi dưỡng hai con chung và cháu V có nguyện vọng được sống với chị Th. Mặt khác, chị Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng và có chỗ ở ổn định. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng các con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn V, sinh ngày 31/7/2010 và cháu Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2017 của chị Th.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét ý kiến, yêu cầu trên của chị Th là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; 77; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Bích Th về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Phạm Ngọc H. Xử cho chị Vũ Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao các con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn V, sinh ngày 31/7/2010 và cháu Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Vũ Thị Bích Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Phạm Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

[2.2.2] Khi ly hôn anh Phạm Ngọc H vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Bích Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009417 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã G, H. Thống Nhất
(Giấy CNKH số 171/2008);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Cường